

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2020
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Minh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Ánh Sáng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Đẹp

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lý Kim Yến – Là Thư ký
Toà án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai
tham gia phiên tòa:*** Bà Lê Thị Hồng Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 600/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Ch, sinh năm 1964.

- Bị đơn: Ông Hồ Văn Q, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Số 16/20/2, Tổ 10, khu C, Ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Bà C, ông Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2020 và các lời khai tại hồ sơ, nguyên đơn bà Đỗ Thị Ch trình bày:

Bà và ông Hồ Văn Q xây dựng gia đình với nhau vào năm 1985 nhưng đến 2002 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 212 ngày 30/12/2002. Việc kết hôn do bà và ông Q đều tự nguyện. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Hồ Văn Q. Nguyên nhân bà C yêu cầu ly hôn là do bất đồng quan điểm

sống, mâu thuẫn về tiền bạc và ông Q không có trách nhiệm với gia đình. Bà và ông Q đã sống ly thân hơn 01 năm, không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà C xác định không còn tình cảm với ông Q, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên bà yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà C và ông Q có 03 người con chung tên Hồ Thanh Q, sinh năm 1987, Hồ Công T, sinh năm 1993 và Hồ Thị Hương T, sinh năm 1994. Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà C đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2020 và các lời khai tại hồ sơ, bị đơn ông Hồ Văn Q trình bày:

Ông và bà Đỗ Thị Ch xây dựng gia đình với nhau vào năm 1985 nhưng đến 2002 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 212 ngày 30/12/2002. Việc kết hôn do ông và bà C đều tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc nhưng do tính ông ít nói nên không trò chuyện nhiều với bà C. Ông xác định trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống và mâu thuẫn về tiền bạc như bà C trình bày là đúng. Ông và bà C đã sống ly thân hơn 01 năm, không ai còn quan tâm đến ai, từ khi sống ly thân đến nay không bàn bạc đoàn tụ được.

Nay bà C khởi kiện xin được ly hôn với ông, ông không đồng ý vì ông còn tình cảm với bà C.

Về con chung: Ông và bà C có 03 người con chung tên Hồ Thanh Q, sinh năm 1987, Hồ Công T, sinh năm 1993 và Hồ Thị Hương T, sinh năm 1994. Các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Q khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Hồ Văn Q không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C; Về con chung: Đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động nên không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Ch có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Hồ Văn Q đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên Tòa và giấy triệu tập nhưng ông Q vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn bà C, bị đơn ông Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Ch và ông Hồ Văn Q xây dựng gia đình với nhau vào năm 1985 nhưng đến 2002 mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã A, huyện L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 212 ngày 30/12/2002 nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Bà C xin ly hôn ông Q với lý do vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm phía ông Q cũng thừa nhận mâu thuẫn trên là đúng, giữa bà và ông Q đã sống ly thân nhau hơn 01 năm, không ai còn quan tâm đến ai nhưng ông Q không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của bà C mà ông Q mong muốn được đoàn tụ vì ông còn tình cảm với bà C.

Xét quan hệ hôn nhân của bà C và ông Q thì thấy rằng: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự thể hiện vợ chồng bà C và ông Q chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã có thời gian sống ly thân từ hơn 01 năm nhưng không thể hòa giải đoàn tụ để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Do đó, có đủ cơ sở xác định bà C và ông Q đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, xử cho bà C được ly hôn với ông Q là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nuôi con chung: Bà C và ông Q có 03 người con chung tên Hồ Thanh Q, sinh năm 1987, Hồ Công T, sinh năm 1993 và Hồ Thị Hương T, sinh năm 1994. Hiện các con chung của bà C và ông Q đã thành niên và đều có khả năng lao động nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Thị Ch phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 174, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Đỗ Thị Ch đối với ông Hồ Văn Q.

Xử cho bà Đỗ Thị Ch được ly hôn với ông Hồ Văn Q.

Về nuôi con chung: Đã thành niên và đều có khả năng lao động nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

2. Về án phí: Bà Đỗ Thị Ch phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004542 ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Bà C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà C và ông Q được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND huyện L (1);
- Chi cục THADS huyện L (1);
- UBND xã A (GCNKH số 212 ngày 30/12/2002) (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu (3).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Minh Thảo